

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch hỗ trợ xi măng để sửa chữa, mở rộng đường GTNT bị hư hỏng trên địa bàn tỉnh năm 2020 (lần 2)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 72/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh về cơ chế hỗ trợ xi măng để sửa chữa, mở rộng đường giao thông nông thôn bị hư hỏng trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2020-2025;

Căn cứ Quyết định số 878/QĐ-UBND ngày 16/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch hỗ trợ xi măng để sửa chữa, mở rộng đường giao thông nông thôn bị hư hỏng trên địa bàn tỉnh năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 4217/QĐ-UBND ngày 13/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch hỗ trợ xi măng để sửa chữa, mở rộng đường GTNT bị hư hỏng trên địa bàn tỉnh năm 2020;

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 08/TTr-SGTVT ngày 25/01/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch hỗ trợ xi măng để sửa chữa, mở rộng đường GTNT bị hư hỏng trên địa bàn tỉnh năm 2020, với các nội dung chính sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch hỗ trợ xi măng

TT	Địa phương	Quy mô sửa chữa, mở rộng				Lượng xi măng hỗ trợ (tấn)	Ghi chú	
		ĐH (km)	ĐX (km)	Loại A (km)	Loại B (km)			
1	Huyện An Lão	1,078	5,397	4,474	3,526	4.217	Chi tiết có phụ lục kèm theo	
2	Các huyện, thị xã: Hoài Ân, Hoài Nhơn, Phù Mỹ, Phù Cát, An Nhơn, Tuy Phước, Tây Sơn.	Giữ nguyên theo Quyết định số 878/QĐ-UBND ngày 16/3/2020 và Quyết định số 4217/QĐ-UBND ngày 13/10/2020 của UBND tỉnh.						

2. Gia hạn thời gian thực hiện Kế hoạch hỗ trợ xi măng để sửa chữa, mở rộng đường GTNT bị hư hỏng trên địa bàn tỉnh trong năm 2020, kéo dài đến hết quý I năm 2021. Kết thúc kế hoạch năm 2020, UBND các huyện, thị xã và thành phố phải có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

3. Các nội dung khác không điều chỉnh vẫn thực hiện theo Quyết định số 878/QĐ-UBND ngày 16/3/2020 và Quyết định số 4217/QĐ-UBND ngày 13/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 878/QĐ-UBND ngày 16/3/2020 và Quyết định số 4217/QĐ-UBND ngày 13/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Xây dựng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cty cổ phần BICEM;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K19.(M.30b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SỬA CHỮA, MỞ RỘNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN BỊ HƯ HỎNG NĂM 2020

ĐỊA BÀN HUYỆN AN LÃO (LẦN 2)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tuyến đường	Theo Quyết định số 4217/QĐ-UBND ngày 13/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh						Điều chỉnh, bổ sung						Ghi chú	
		Quy mô				Định mức xi măng (tấn/km)	Lượng xi măng hỗ trợ (tấn)	Quy mô				Định mức xi măng (tấn/km)	Lượng xi măng hỗ trợ (tấn)		
		ĐH (km)	ĐX (km)	Loại A (km)	Loại B (km)			ĐH (km)	ĐX (km)	Loại A (km)	Loại B (km)				
I	Xã An Hòa		1,20	1,30				766,00		1,129	4,334			1.405,08	
1	Nâng cấp đường bê tông từ ĐT629 đến cầu Gò Dài		0,70			400	280,00		0,700			400	280,00	Giữ nguyên	
2	Nâng cấp, mở rộng đường Long Hòa - Hưng Nhượng (đoạn nối tiếp)		0,50			400	200,00		0,429			400	171,60	<i>Điều chỉnh giảm</i>	
3	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội bộ thôn (Xuân Phong Nam, Xuân Phong Bắc, Hưng Nhượng, Vạn Khánh, Vạn Long)			1,30		220	286,00			4,33		220	953,48	<i>Điều chỉnh danh mục và điều chỉnh tăng</i>	
II	Xã An Tân		1,45		0,53		669,59		0,66		0,53		353,59		
1	Mở rộng đường liên thôn Thanh Sơn (Đoạn nối tiếp)		0,66			400	264,00		0,66			400	264,00	Giữ nguyên	
2	Nội bộ khu giãn dân thôn Tân An				0,424	170	72,08				0,424	170	72,08	Giữ nguyên	
3	Nâng cấp đường thôn Thanh Sơn (đoạn: Nhà văn hóa thôn)		0,79			400	316,00					0	0,00	<i>Không thực hiện</i>	
4	Sửa chữa tràn Hóc Hoa -BTMĐ				0,103	170	17,51				0,103	170	17,51	Giữ nguyên	
III	Xã An Nghĩa				0,194		32,98				0,194		32,98		
1	Sửa chữa tuyến đường bê tông thôn 4 đi thôn 5 bị hư hỏng				0,19	170	32,98				0,194	170	32,98	Giữ nguyên	
IV	Xã An Hưng				1,15	340	195,5			0	1,150		195,50		

1	Nâng cấp đường trục chính Thôn 1				0,680	170	115,60				0,68	170	115,60	Giữ nguyên
2	Nâng cấp đường trục chính Thôn 2				0,470	170	79,90				0,47	170	79,90	Giữ nguyên
V	Xã An Trung				0,8960		152,32				0,896		152,32	
1	Sửa chữa đường BT GTNT từ đường liên xã đến nhà ông Kiên				0,1500	170	25,50				0,150	170	25,50	Giữ nguyên
2	Nâng cấp sửa chữa đường BTNT từ đường liên xã đến nhà bà Đen				0,2700	170	45,90				0,270	170	45,90	Giữ nguyên
3	Nâng cấp sửa chữa đường BTNT từ đường liên xã đến sau nhà ông Dây				0,4760	170	80,92				0,476	170	80,92	Giữ nguyên
VI	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,078	3,608	0,140	0,759		2.077,35	1,078	3,608	0,140	0,759		2.077,35	
1	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường liên thôn xã An Tân		2,10			400	840,00		2,10			400	840,0	Giữ nguyên
2	Nâng cấp tuyến đường liên thôn Tân đến xã An Quang (đoạn nối tiếp)	1,078				440	474,32	1,078				440	474,32	Giữ nguyên
3	Khu thương mại, dịch vụ và dân cư Đồng Bàu xã An Hòa, huyện An Lão (Đợt 1 của giai đoạn 2) đường giao thông nội bộ		0,438			400	175,20		0,438			400	175,20	Giữ nguyên
4	Nâng cấp tuyến đường liên thôn Long Hòa đến thôn Vạn Long				0,49	170	83,30				0,490	170	83,30	Giữ nguyên
5	Nâng cấp tuyến đường liên thôn xã An Hòa			0,14		220	30,80			0,14		220	30,80	Giữ nguyên
6	Đường từ nhà ông Tâm đến hóc bà Diện		0,85			400	340,00		0,85			400	340,00	Giữ nguyên
7	BTNT thôn Xuân Phong bắc (ĐT 629-Vạn Long)				0,269	170	45,73				0,269	170	45,73	Giữ nguyên
8	Nâng cấp mở rộng đường vào khu di tích chi bộ Chính Nghĩa		0,22			400	88,00		0,22			400	88,00	Giữ nguyên
Tổng cộng		1,078	6,258	1,440	3,526		3.893,74	1,078	5,397	4,474	3,526		4.217	